

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 345/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1985. Địa chỉ: 42/27 NPT, phường KL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1985. Địa chỉ: 42/27 NPT, phường KL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc L và bà Lê Thị T sau thời gian tìm hiểu, đến ngày 01/10/2007 đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại 42/27 NPT, phường KL, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, có nhiều bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L, bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Phạm Ngọc L và bà Lê Thị T cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung đăng ký khai sinh họ và tên Phạm Ngọc Khánh N, sinh ngày 04/02/2008 và Phạm Khánh N, sinh ngày 26/4/2014. Hiện nay cả hai cháu đang sống cùng với ông L và bà T. Nay hai bên thỏa thuận giao cả hai cháu cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phạm Ngọc L và bà Lê Thị T cùng thỏa thuận ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Ông Phạm Ngọc L và bà Lê Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông Phạm Ngọc L và bà Lê Thị T xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung.

[6] Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Ngọc L và bà Lê Thị T, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông L và bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002916 ngày 05/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông L và bà T đã nộp đủ, không phải nộp thêm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc L và bà Lê Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Phạm Ngọc L và bà Lê Thị T thỏa thuận giao hai con chung là Phạm Ngọc Khánh N, sinh ngày 04/02/2008 và Phạm Khánh N, sinh ngày 26/4/2014 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phạm Ngọc L cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng (hai cháu 2.000.000đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Ngọc L và Lê Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Phạm Ngọc L và bà Lê Thị T xác nhận quá trình chung sống không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phạm Ngọc L và bà Lê Thị T, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông L và bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002916 ngày 05/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông L và bà T đã nộp đủ, không phải nộp thêm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND phường TH, thành phố H;
- (Ông L và bà T ĐKKH số 115, quyền số 01, ngày 01/10/2007);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu dấu.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương Dung